

目から鱗！これがニッポンの当たり前？

日本の行列文化から学ぶ！マナーと協調性

Mở mang tầm mắt! Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

Học từ văn hoá xếp hàng của Nhật ! Ứng xử và tính hợp tác

皆さんは街を歩いていると、飲食店などの前でたくさんの方が列を作っている光景を見たことがあるでしょうか？その光景を不思議に思ったことはありませんか？実はまさにこの行列こそ、代表的な日本の文化の一つと言っても過言ではありません。何にでも並んでしまう好奇心と、自分の順番が来るのを律儀に待つ忍耐力は、日本人のアイデンティティと言えるでしょう。今回は、日本人の作る行列から、日本で生活する上での大切な心構えを学んでいきましょう。

Khi các bạn đi dạo trên phố chắc hẳn các bạn thấy người ta xếp hàng trước các tiệm ăn? Các bạn có thấy kỳ lạ không ạ? Thực ra chính việc xếp hàng đó không hề nói quá gì mà nó là một phần văn hoá đặc trưng của Nhật. Với sự tò mò quan tâm mà đối với cái gì cũng xếp hàng, cùng với sự nhẫn nại chờ đợi lịch sự đến lượt mình có thể nói là đặc tính dân tộc của người Nhật. Bản tin tháng này từ việc xếp hàng của người Nhật, ta cùng học những chuẩn bị quan trọng trong cuộc sống ở Nhật nhé.

行列と日本人 Xếp hàng và người Nhật

日本人は子どもの頃から、「列に並ぶことはマナーとして必ず身につけるべき習慣」という教育を受けます。例えば幼稚園の先生が、街で子どもたちに「ちゃんと並んで」と声を掛けているのを耳にするかと思いますが、そのような教育は教育機関だけでなく、各家庭でもしっかり行われています。その教えが積み重なり、日本の子どもたちの頭には「ちゃんと列に並ばなければならない」という概念ができあがります。そして列に並ぶことは煩わしいことではなく、日本人にとって日常生活の一部となっています。日本では、人と人との交流が食事やお茶を飲むときだけではなく、列に並んでいるときにも行われます。列に並びながら家族や友人と会話をしていると、イライラを軽減できるだけでなくお互いに意思疎通を図ることが出来、相手との仲を深めるきっかけにもなるのです。

Người Nhật từ khi còn bé đã được dạy “việc xếp hàng như là hành vi ứng xử phải tạo thành thói quen”. Ví dụ trên đường các bạn thường hay nghe thấy các thầy cô ở trường mẫu giáo nhắc các em nhỏ “phải xếp hàng cẩn thận nào”, những điều này không chỉ được dạy ở trường mà ở gia đình cũng được dạy dỗ cẩn thận. Chính vì việc hướng dẫn đó được tích lũy mà trong đầu nên trẻ em luôn biết “phải xếp hàng cẩn thận”. Và hơn nữa việc xếp hàng không là điều gì khó chịu mà nó là một phần

trong cuộc sống thường nhật của người Nhật. Ở Nhật, người ta giao lưu với nhau không chỉ khi ăn cơm hay uống trà, mà còn là cả khi đang xếp hàng. Khi đang xếp hàng người ta nói chuyện với gia đình, với bè bạn điều đó giúp không chỉ giảm việc khó chịu khi xếp hàng mà còn có thể hiểu nhau thêm, cũng là cơ hội để thân nhau hơn.

行列に並ぶ日本人の心理 Tâm lý xếp hàng của người Nhật

日本人は会社や組織など、集団に属したい性質が強い国民だと言われています。例えばある飲食店の前に長い行列が出来ているのを見ると「行列が出来る＝評判がいいお店」と考え、みずからもその行列に並ぶことで「多数派になれた」という安心感を得られるのですが、その根底には「周りとは違うと思われたくない」という日本独自の協調を大事にする考え方があります。

また、割り込こむことをせず列をつかって自分の順番が来るのを待つのは、無駄な争いを避け秩序を守るためでもあります。

2011年3月に起こった東日本大震災のとき、どんなにお腹が空いていても、被災地の日本人は騒ぐことも暴力もなく、きちんと列に並び食べものを待っていたというエピソードは世界的に有名ですが、これはまさに日本人が大切にしている協調と集団意識を象徴していると言えます。

Người ta nói rằng người Nhật là dân tộc đặc trưng thích công ty, cơ quan đoàn thể rất mạnh. Ví dụ khi nhìn thấy trước tiệm ăn có hàng dài khách xếp đợi thì người ta nghĩ “có hàng dài xếp đợi tức là cửa hàng được đánh giá ngon”, và như vậy bản thân người đó cũng xếp vào hàng đó vì thấy an tâm “theo số đông”, và gốc rễ của điều này là người Nhật có suy nghĩ rất coi trọng hợp tác “không muốn bị nghĩ là mình khác với xung quanh”.

Hơn nữa, việc không chen ngang việc xếp hàng đợi đến lượt mình để tuân thủ trật tự và tránh những tranh cãi không cần thiết. Tháng 3 năm 2011 khi xảy ra động đất sóng thần vùng đông Nhật Bản, việc người Nhật nơi thiên tai dù rất đói nhưng không hề xảy ra hỗn loạn, bạo lực mà họ xếp hàng trật tự để đợi đến lượt nhận đồ ăn đã trở thành chuyện nổi tiếng trên thế giới, điều này cho thấy việc người Nhật coi trọng hợp tác và có ý thức tập thể rất cao đã trở thành biểu tượng.

チームで働くということ Làm việc theo nhóm

日本の会社では、協調性が求められるケースが多いです。もちろん個性も大切ですし、会議などの場では自分の意見を求められることもありますが、皆さんの実際の仕事ではチームを組んで協力しながら業務を進めていく機会が多いかと思います。その中で、それぞれがそれぞれのやりたいようにやってしまうとどうでしょうか？チームワークが乱れ思うように仕事が進まなくなり、社内だけではなく社外にも迷惑がかかって

しまいそうですね。チームで働くからには皆がルールやマナーを守って、助け合いの心を持って仕事が出来るといいですね。

Ở công ty của Nhật có rất nhiều trường hợp yêu cầu sự hợp tác. Tất nhiên tính chất đặc trưng cá nhân cũng quan trọng, ở nơi họp hay đông đảo mọi người thì ý kiến cá nhân cũng được mong đợi nhưng khi làm việc thì ta thường làm theo nhóm nên vừa hợp tác với nhau vừa thực hiện công việc là nhiều. Trong đó, nếu ta cứ làm theo như cách ta muốn thì sẽ thế nào ạ? Nhóm làm việc sẽ lộn xộn và việc thì không tiến triển được, không chỉ gây ảnh hưởng trong công ty mà còn ảnh hưởng ra ngoài nữa. Khi làm việc theo nhóm thì ta cần tuân thủ quy tắc và ứng xử, nếu làm việc có được tấm lòng luôn cùng giúp đỡ nhau thì thật tuyệt nhỉ.

日本の行列という文化から、生活をする上での大切な心構えを伝えましたが、いかがでしたか？日本人は、マナーや協調性を非常に重んじる国民だということが理解できたことでしょうか。今回の学びが、皆さんの日本の生活をより快適にするためのヒントになれば嬉しいです。

Từ văn hoá xếp hàng của Nhật, chúng tôi đã truyền đạt tới các bạn tâm thế sẵn sàng cho cuộc sống ở Nhật, các bạn thấy thế nào ạ? Các bạn đã hiểu về người Nhật là dân tộc rất coi trọng ứng xử và tính hợp tác phải không ạ. Từ bài học này, rất hy vọng nó trở thành gợi ý giúp các bạn có được cuộc sống dễ chịu hơn ở Nhật.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng cho tương lai

報連相(報告・連絡・相談) Horenso (Báo cáo, liên lạc, trao đổi)

皆さんは、報連相という言葉をご存じですか？

報連相とは、「報告」「連絡」「相談」という3つのことばをまとめた仕事に関する用語です。

Các bạn có biết từ Horenso không ạ? Horenso là từ chuyên dùng trong công việc viết tắt từ 3 từ

報告 báo cáo

主に部下が上司から命じられた業務の進み具合や成果を伝えることや何か不測の事

態やミスなどを伝えること

là việc thường được cấp dưới truyền đạt tới cấp trên về tiến độ công việc được giao, kết quả hay có vấn đề xảy ra không tính trước được hay lỗi xảy ra.

連絡 liên lạc

仕事にかかわっている関係各所に作業進捗や関連情報を知らせること

là việc thông báo tiến độ công việc và các thông tin liên quan tới các phòng ban liên quan tới công việc đang làm

相談 trao đổi

業務を遂行するにあたり生じた課題やトラブル、疑問、悩みなどを共有し、アドバイスを求めること

là việc chia sẻ lo lắng, điều không hiểu hay vấn đề phát sinh liên quan tới công việc đang thực hiện để xin lời khuyên.

報連相のメリットとは？ Lợi điểm của Horenso?

- ・チーム内のコミュニケーションが増える Giao tiếp trong nhóm làm việc sẽ nhiều hơn
- ・チーム内の協力体制が向上する Nâng cao thể chế hợp tác trong nhóm
- ・業務を効率的に遂行できる Có thể thực hiện công việc hiệu quả
- ・上司から適切なアドバイスをもらえる

Có thể nhận được lời khuyên và hướng dẫn thích hợp từ cấp trên

- ・チームメンバーからのサポートを受けられる

Có thể nhận hỗ trợ từ thành viên trong nhóm

- ・上司などの管理者も、部下から情報を吸い上げることで適切な判断を下せ、業務効率化につながる

Người quản lý như cấp trên có thể nắm bắt được thông tin từ cấp dưới mà có thể đưa ra những quyết định phù hợp và hiệu quả hoá công việc

- ・上司から信頼を得られる Được cấp trên tin tưởng
- ・報告や相談をすることで上司の意思決定が早くできる

Từ việc báo cáo và trao đổi thông tin có thể nhận được hướng dẫn, hay chỉ đạo nhanh từ cấp trên.

- ・問題などの早期解決につながる Giúp vấn đề được giải quyết sớm
- ・報告や相談を密にする信頼できる部下に上司は、大切な業務を任せる

Với cấp dưới mà thực hiện việc báo cáo và trao đổi thường xuyên sẽ được cấp trên giao công việc quan trọng.

- ・進捗状況を把握し、遅延や事故を防げる Việc nắm được tình hình đang diễn ra giúp tránh được chậm trễ và tai nạn
- ・業務の進捗状況をチーム全体で把握することができ、ミスや事故の発生を未然に防ぐことができる

Tiến độ diễn biến công việc được toàn nhóm nắm bắt, nên có thể phòng tránh được lỗi, hay tai nạn có thể phát sinh.

- ・問題に対して適切な対策を講じられるため、問題の拡大という事態を回避でき、万が一トラブルが表面化した場合も、情報共有しているためダメージを最小限に抑えられる

Do có thể trao đổi về các biện pháp xử lý vấn đề nên tránh được việc làm tình hình xấu hơn, và dù nếu chẳng may rắc rối lan ra thì nhờ việc thông tin được cung cấp, mà có thể hạn chế tối thiểu nhất thiệt hại.

報連相の注意点 Những chú ý khi làm Horenso

迅速に適切なタイミングで行う Thực hiện sớm vào thời điểm thích hợp

- 悪い報告を後回しにしない(よくない報告こそ早めにしておかないと、事態がより悪化してしまう)

Không để báo cáo thông tin xấu về sau (càng thông tin không hay xảy ra thì càng cần báo cáo sớm nếu không tình trạng sẽ xấu đi nhiều)

- 主観で判断せず重要かどうかを自分の勝手な判断で行ない(問題の大小を判断するのは、現場ではなく上層部です)

Không chủ quan phán đoán và không tự mình đánh giá vấn đề quan trọng hay không.

(phán đoán vấn đề to hay nhỏ không phải ở hiện trường công việc mà cấp trên sẽ đưa ra)

結論から述べる Đưa kết luận ra trước

- 結論を相手に知らせ、簡潔に済ませるようにする

Báo cáo kết luận trước, trình bày ngắn gọn dễ hiểu

まずは結論を伝え、それから上司の求めに応じて説明を加えていくことが重要

Trước hết trình bày kết luận, sau đó rất quan trọng là tùy theo yêu cầu của cấp trên mà trả lời giải thích vấn đề.

正確に伝える Truyền đạt một cách chính xác

- 正確に伝えるためには、抽象的な表現を排除するのがポイント

Để trình bày một cách chính xác thì chú ý tránh những cách trình bày trừu tượng. 「ほとんど」「大体」「多分」などの単語は、人によって解釈が大きく変わってしまうため注意。「5W2H」や数字を用いるのも効果的。特に、上司に行動してもらう必要がある場合には、5W2Hや数字を用いて正確に情報を伝える。

Cần chú ý những từ như “phần lớn”, “đại loại vậy”, “có thể” tùy theo người dùng mà có cách giải thích khác nhau. Do đó ta có thể dùng “5W2H” và con số sẽ có

hiệu quả. Đặc biệt có trường hợp khi cần cấp trên thực hiện ngay công việc thì ta cần truyền đạt 5W2H và cung cấp thông tin số liệu chính xác.

1. When (いつ khi nào)
2. Where (どこで ở đâu)
3. Who (だれが ai làm)
4. What (なにを làm gì)
5. Why (なぜ vì sao)
6. How (どうやって bằng cách nào, như thế nào)
7. How much (どれくらい tốn bao nhiêu)

解決策も考えておく Cần suy nghĩ trước cách giải quyết

- 状況を報告するだけでなく、現状を踏まえてどうしたいのか、上司に何を求めているのかまで伝える

Không chỉ là báo cáo tình hình mà dựa trên thông tin đó bạn muốn thế nào, và hãy truyền đạt đến phần yêu cầu gì ở cấp trên

事実と私見は分ける Hãy phân chia ranh giới giữa thực tế và nhìn nhận của bản thân

- 報連相ではあくまで事実を述べる Horenso là việc đưa ra tình hình đang thực hiện

- 自分の意見や考えは、不必要 Không cần đưa ý kiến và suy nghĩ của bản thân vào

- 相手から求められた場合にだけ私見を述べる

Khi người ta yêu cầu thì mình sẽ đưa ý kiến cá nhân vào

相手の都合に配慮する Chú ý đến thời gian của người kia

- 相手が今どのような状況なのか、きちんと把握したうえで報連相を実行

Cần xem xét đối phương đang trong điều kiện thế nào, khi đã nắm được đầy đủ thông tin thì thực hiện Horenso.

- 即、話さなければならない場合は、話して良いか了解を得る

Nếu phải báo cáo sớm thì bạn cần hỏi xin phép người đó và nhận đồng ý từ họ

まとめ Tóm tắt

報告、連絡、相談を意味する「報連相」は、職場のコミュニケーションを円滑にして正しく情報を共有し、結果、業務効率を上げるために役に立ちます。「報連相」を上手に使い仕事の効率を上げていきましょう。

Báo cáo, liên lạc, trao đổi gọi tắt là “Horenso”, giúp giao tiếp tại nơi làm được diễn ra suôn sẻ, việc cung cấp chia sẻ thông tin chính xác giúp nâng cao kết quả và hiệu suất làm việc.

Các bạn hãy thực hiện tốt “Horenso” để nâng cao năng suất công việc nhé.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

労働災害発生状況(製造業編)

Tình hình phát sinh tai nạn lao động “ ngành sản xuất”

今月は、製造現場で起こる事故の種類とその予防ポイントについて学習しましょう。

Tháng này, chúng ta cùng học thêm để biết về những loại tai nạn trong ngành sản xuất và những điều cần chú ý phòng tránh tai nạn nhé.

1. 労働災害発生状況

1. Tình hình phát sinh tai nạn lao động

日本の製造現場で起きている死傷災害の発生状況について。「はさまれ・巻き込まれ」が24%、「転倒」が21%、「墜落・転落」が11%、これら3つの災害で全体の56%を占めています。

Về Tình hình phát sinh tai nạn thương vong tại công xưởng sản xuất. “ Bị kẹp, bị cuốn ” chiếm 24%, “ trượt ngã ” là 21%, và “ ngã, rơi từ trên cao ” là 11%, là 3 loại tai nạn chiếm 56% tổng các loại tai nạn.

2. 事故の内容と予防方法

2. Nội dung tai nạn và cách phòng tránh

上位3つの事故の内容を確認し、予防ポイントを考えてみましょう。

Chúng ta cùng kiểm tra 3 loại tai nạn tỉ lệ cao này và cùng suy nghĩ về những điều cần phòng tránh nhé.

① 「はさまれ・巻き込まれ」事故

① Tai nạn “ bị kẹp, cuốn ”

機械や設備に手や足をはさまれたり巻き込まれたりする事故です。
Là tai nạn mà tay hay chân bị kẹp cuốn vào máy hay thiết bị.
これらの事故を防ぐために大切なことは、動いている機械や設備に絶対に手を入れ

ないことと、機械や設備を清掃するときは確実に停止してから行うことです。

Để phòng tránh tai nạn này xảy ra, điều rất quan trọng là ta không được cho tay vào máy hay thiết bị đang chạy, khi cần lau chùi máy và thiết bị ta phải xác nhận chắc chắn là máy đã dừng hẳn.

②「転倒」事故

② Tai nạn “trượt ngã”

床・階段・通路などで、水や油に滑ったりモノにつまずいたりして転倒する事故です。Là tai nạn bị trượt ngã do nước hay dầu bám mà bị trơn trượt hoặc vấp phải đồ đồ ở sàn nhà, cầu thang hay lối đi.

これらの事故を防ぐために大切なことは、床に水や油がこぼれていたらすぐにふきとること、職場では走らないこと、書類やスマホを見ながら歩かないことなどです。

Để phòng tránh tai nạn này điều quan trọng là ta phải lau ngay nước hay dầu nếu rơi ra sàn nhà, và ở xưởng làm việc không được chạy, không vừa đi vừa xem tài liệu hay xem điện thoại.

③「墜落・転落」事故

③ Tai nạn “ngã, rơi từ trên cao xuống”

高所、脚立、足場、階段などから墜落・転落する事故です。約半数の事故は2m以内の高さからの墜落・転落ですが、重大事故につながることも多いです。

Là tai nạn bị rơi ngã từ trên cao, thang đứng, giàn giáo hay cầu thang xuống. Gần một nửa số tai nạn bị rơi ngã từ trên cao trong vòng 2 mét, và nhiều trường hợp là tai nạn nghiêm trọng.

これらの事故を防ぐために大切なことは、高所作業では安全帯などの保護具を着用することと、脚立の天板に乗らないなどの職場のルールを守ることです。

Việc phòng tránh tai nạn này điều quan trọng là ta phải tuân thủ quy định làm việc nơi công xưởng là khi làm trên cao phải mặc đầy đủ đồ bảo hộ lao động như dây an toàn, khi đứng trên thang không được đứng ở tấm bảng trên cùng.

実習生の皆さんへ Các bạn TTS thân mến

いつも「危険があるかもしれない」と注意する癖をつけましょう！

Các bạn hãy luôn tập cho mình thói quen chú ý đề phòng “có thể có nguy hiểm” nhé.

データ出典: 令和4年における労働災害発生状況(令和5年5月 厚生労働省)

Tài liệu tham khảo: Tình hình phát sinh tai nạn lao động năm Reiwa thứ 4 (Bộ LĐ và PLXH tháng 5 năm Reiwa thứ 5)